

Số: 644/QĐ-HĐTS

Sơn La, ngày 15 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xác định điểm trúng tuyển và công nhận danh sách thí sinh trúng
tuyển trình độ trung cấp năm 2025 (Đợt 2)

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Giấy chứng nhận 91/2023/GCNDKHD-TCGDNN ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Tổng Cục giáo dục nghề nghiệp - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 128/QĐ-SKHĐT ngày 12/12/2024 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, sự nghiệp năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1319/QĐ-CĐSL ngày 20/12/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về việc ban hành Quy chế Tuyển sinh trình độ cao đẳng, trung cấp tại Trường Cao đẳng Sơn La năm 2025; Quyết định số 546/QĐ-CĐSL ngày 16/6/2025 của Hiệu trưởng trường CĐ Sơn La Về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1319/QĐ-CĐSL ngày 20/12/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ Cao đẳng, Trung cấp tại Trường Cao đẳng Sơn La năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-CĐSL ngày 02/01/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Sơn La;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh năm 2025 số 73/BB-HĐTS ngày 14/7/2025;

Theo đề nghị của Trưởng Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh Trường Cao đẳng Sơn La,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xác định và công bố điểm trúng tuyển 13 ngành/ngành trình độ trung cấp năm 2025 (đợt 2) cụ thể như sau:

TT	Tên nghề	Mã ngành/ngành	Tổ hợp môn	Số lượng thí sinh trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Ghi chú
1	Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc	5210207	Toán học- Ngữ văn- Năng khiếu	30	15.75	
2	Organ	5210224	Toán học- Ngữ văn- Năng khiếu	15	19.65	

3	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống	5210216	Toán học- Ngữ văn- Năng khiếu	5	18.55	
4	Hội họa	5210103	Toán học- Ngữ văn- Năng khiếu	5	20.50	
5	Thanh nhạc	5210225	Toán học- Ngữ văn- Năng khiếu	10	21.05	
6	Tin học ứng dụng	5480205	Toán học-Vật lý- Hóa học	6	20.25	
			Toán học-Khoa học tự nhiên- Ngữ văn	30	19.15	
7	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	5620111	Toán học- Sinh học- Hóa học	4	19.85	
			Toán học- Ngữ văn - Khoa học tự nhiên	31	20.45	
8	Quản lý văn hóa	5340436	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	1	21.15	
			Toán học- Ngữ văn	18	23.35	
9	Pháp luật	5380101	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	5	19.55	
			Ngữ văn- Toán học- Lịch sử và Địa lý	31	20.45	
10	Quản trị khách sạn	5810201	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	1	20.05	
			Ngữ văn- Toán học- Lịch sử và Địa lý	18	23.05	
11	Kế toán doanh nghiệp	5340302	Toán học-Vật lý- Hóa học	4	20.75	
			Toán học- Ngữ văn - Khoa học tự nhiên	15	19.35	
12	Văn thư hành chính	5320301	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	1	22.85	
			Ngữ văn- Toán học- Lịch sử và Địa lý	17	22.35	
13	Dịch vụ pháp lý	5380201	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	1	18.75	
			Ngữ văn- Toán học- Lịch sử và Địa lý	18	21.65	

Điều 2. Công nhận danh sách **266** thí sinh trúng tuyển trình độ trung cấp năm 2025 (đợt 2) vào học các ngành/ngành tại trường Cao đẳng Sơn La.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 3. Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm công bố điểm trúng tuyển, danh sách thí sinh trúng tuyển, hoàn thiện Giấy báo trúng tuyển và nhập học cho thí sinh, phối hợp với các phòng, khoa chuẩn bị tốt việc tiếp sinh.

Phòng Tổ chức cán bộ - Công tác học sinh sinh viên, Phòng Đào tạo có trách nhiệm tiếp sinh, sắp xếp lớp học, tổ chức đào tạo theo đúng chương trình, kế hoạch của nhà trường và các quy chế, quy định hiện hành.

Thí sinh trúng tuyển có trách nhiệm làm thủ tục nhập học và tham gia học

tập theo kế hoạch đào tạo của Nhà trường.

Điều 4. Các ông (bà) ủy viên Hội đồng tuyển sinh, các đơn vị, cá nhân có liên quan và thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (Báo cáo);
- Sở GD-ĐT (Báo cáo);
- Công an tỉnh Sơn La (P/hợp) ;
- Ban Giám hiệu (Chỉ đạo);
- Website nhà trường (Đăng tin);
- Như Điều 4 (Thực hiện);
- Lưu: VT, T.TSHN.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH**

**HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Đức Long**

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NĂM 2025 - ĐỢT 2
(Kèm theo Quyết định số 644/QĐ-HĐTS 15/7/2025 của Chủ tịch HĐ tuyển sinh Trường Cao đẳng Sơn La)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	VH	Mã ngành (*)	Nghề	Môn xét tuyển	ĐXT 1	ĐXT 2	Mức điểm trúng tuyển	Địa chỉ		
													Bản	Xã/Phường (cũ)	Tỉnh
I	Tin học ứng dụng														
1	Lù Thị	Pàng	25/11/2010	Nữ	Mông	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học- KHTN- Ngữ văn		25,95	19,15	Bản Suối Thóm	Xã Hua Nhân	Tỉnh Sơn La
2	Lèo Bảo	Đăng	17/8/2010	Nam	Thái	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học- KHTN- Ngữ văn		24,65	19,15	Bản Nẹ Tở	Xã Hua La	Tỉnh Sơn La
3	Vàng Thị	Sua	8/4/2010	Nữ	Mông	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học- KHTN- Ngữ văn		24,55	19,15	Bản Huổi Nhả	Xã Phiêng Cắm	Tỉnh Sơn La
4	Lò Thị Quỳnh	Chi	22/12/2010	Nữ	Thái	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học- KHTN- Ngữ văn		24,35	19,15	Tiểu khu 8	Xã Nà Bó	Tỉnh Sơn La
5	Hà Thành	Vinh	11/3/2010	Nam	Thái	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học- KHTN- Ngữ văn		22,95	19,15	Bản Nà Hạ 1	Xã Chiềng Mung	Tỉnh Sơn La
6	Đình Xuân	Đàm	28/8/2010	Nam	Thái	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học- KHTN- Ngữ văn		22,65	19,15	Bản Lùm Thượng C	Xã Pắc Ngà	Tỉnh Sơn La
7	Lò Văn	Cơ	28/4/2010	Nam	Thái	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học- KHTN- Ngữ văn		22,45	19,15	Bản Puồn Vạy	Xã Chiềng Mai	Tỉnh Sơn La
8	Lò Mạnh	Đạt	14/9/2010	Nam	Thái	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học- KHTN- Ngữ văn		22,05	19,15	Bản Xum	Xã Chiềng Mung	Tỉnh Sơn La
9	Hoàng Anh	Tuyến	03/09/2010	Nam	Thái	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học- KHTN- Ngữ văn		21,95	19,15	Bản Lọ Dên	Xã Nà Ót	Tỉnh Sơn La
10	Lò Đình	Tùng	27/01/2010	Nam	Thái	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học- KHTN- Ngữ văn		21,65	19,15	Bản Nậm Bông	Xã Mường Chanh	Tỉnh Sơn La
11	Đieu Đức	Trọng	06/3/2010	Nam	Thái	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học- KHTN- Ngữ văn		21,65	19,15	Bản Puồn Vạy	Xã Chiềng Mai	Tỉnh Sơn La
12	Mùa A	Thành	30/3/2010	Nam	Mông	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học- KHTN- Ngữ văn		21,45	19,15	Bản Huổi Má	Xã Chiềng Hoa	Tỉnh Sơn La
13	Đình Công	Dũng	07/9/2010	Nam	Thái	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học- KHTN- Ngữ văn		21,45	19,15	Bản Lùm Thượng B	Xã Pắc Ngà	Tỉnh Sơn La
14	Lò Tuấn	Hiệp	23/8/2010	Nam	Thái	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học- KHTN- Ngữ văn		21,45	19,15	Bản Hộc	Xã Tà Hộc	Tỉnh Sơn La
15	Lò Đức	Mạnh	19/11/2010	Nam	Thái	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học- KHTN- Ngữ văn		20,95	19,15	Bản Khoáng Biên	Xã Chiềng Dong	Tỉnh Sơn La
16	Hà Văn Duy	Mạnh	01/5/2010	Nam	Thái	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học- KHTN- Ngữ văn		20,65	19,15	Bản Nà Hạ 1	Xã Chiềng Mung	Tỉnh Sơn La
17	Tòng Hoàng	Hải	02/7/2010	Nam	Thái	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học- KHTN- Ngữ văn		20,55	19,15	Bản Hịa	Xã Hua La	Tỉnh Sơn La
18	Giàng A	Di	09/09/2010	Nam	Mông	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học- KHTN- Ngữ văn		20,55	19,15	Bản Kéo Lôm	Xã Chiềng Lương	Tỉnh Sơn La
19	Lò Huy	Hoàng	25/10/2010	Nam	Thái	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học- KHTN- Ngữ văn		20,45	19,15	Bản Tà Hộc	Xã Tà Hộc	Tỉnh Sơn La
20	Hà Phạm Việt	Anh	05/05/2010	Nam	Thái	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học- KHTN- Ngữ văn		20,25	19,15	Bản Mạt	Xã Chiềng Mung	Tỉnh Sơn La
21	Cà Mạnh	Huy	12/11/2010	Nam	Thái	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học- KHTN- Ngữ văn		20,05	19,15	Tiểu khu I	Xã Chiềng Ngần	Tỉnh Sơn La

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	VH	Mã ngành (*)	Nghề	Môn xét tuyển	ĐXT 1	ĐXT 2	Mức điểm trúng tuyển	Địa chỉ		
													Bản	Xã/Phường (cũ)	Tỉnh
22	Tòng Văn	Tiến	17/5/2010	Nam	Thái	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học- KHTN- Ngữ văn		19,95	19,15	Bản Lo	Xã Chiềng Mung	Tỉnh Sơn La
23	Ngô Việt	Anh	25/12/2010	Nam	Kinh	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học- KHTN- Ngữ văn		19,85	19,15	Tổ 6	Phường Chiềng Sinh	Tỉnh Sơn La
24	Lò Cảnh	Kỳ	12/12/2010	Nam	Thái	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học- KHTN- Ngữ văn		19,55	19,15	Bản Pon	Xã Tà Hộc	Tỉnh Sơn La
25	Mùi Gia	Bảo	05/01/2010	Nam	Mường	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học- KHTN- Ngữ văn		19,55	19,15	Bản Pon	Xã Tà Hộc	Tỉnh Sơn La
26	Cà Đức	Hữu	16/02/2010	Nam	Thái	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học- KHTN- Ngữ văn		19,55	19,15	Bản Sắng	Xã Mường Bằng	Tỉnh Sơn La
27	Tòng Hải	Châu	17/7/2010	Nam	Thái	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học- KHTN- Ngữ văn		19,45	19,15	Bản Puồn Vạy	Xã Chiềng Mai	Tỉnh Sơn La
28	Hà Đức	Cường	23/8/2010	Nam	Thái	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học- KHTN- Ngữ văn		19,35	19,15	Bản Xum	Xã Chiềng Mung	Tỉnh Sơn La
29	Hoàng Trung	Hiếu	28/6/2010	Nam	Kinh	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học- KHTN- Ngữ văn		19,25	19,15	Bản Phanh	Xã Chiềng Xôm	Tỉnh Sơn La
30	Tòng Anh	Tuấn	27/02/2010	Nam	Thái	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học- KHTN- Ngữ văn		19,15	19,15	Bản Xum	Xã Chiềng Mung	Tỉnh Sơn La
31	Lò Khánh	Huy	03/10/2009	Nam	Thái	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học - Vật lý - Hoá học	24,45		20,25	Bản Xum	Xã Chiềng Mung	Tỉnh Sơn La
32	Hà Trung	Kiên	28/02/2009	Nam	Thái	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học - Vật lý - Hoá học	24,25		20,25	Bản Ốt Chả	Xã Nà Ốt	Tỉnh Sơn La
33	Lò Đức	Khải	18/01/2009	Nam	Thái	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học - Vật lý - Hoá học	22,45		20,25	Bản Ốt Chả	Xã Nà Ốt	Tỉnh Sơn La
34	Hà Minh	Hoàng	14/10/2009	Nam	Thái	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học - Vật lý - Hoá học	21,05		20,25	Bản Nong Nái	Xã Chiềng Mung	Tỉnh Sơn La
35	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	10/10/2009	Nữ	Kinh	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học - Vật lý - Hoá học	20,45		20,25	Thôn Hoàng Văn Thụ	Xã Chiềng Mung	Tỉnh Sơn La
36	Lò Tuấn	Anh	20/10/2009	Nam	Thái	9/12	5480205	Tin học ứng dụng	Toán học- Vật lý-Hóa học	20,25		20,25	Bản Ten Hịa	Xã Mường Chanh	Tỉnh Sơn La
II	Trồng trọt và bảo vệ thực vật														
1	Hàng Thị	Chua	21/03/2010	Nữ	Mông	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học- KHTN-Ngữ văn		23,65	20,45	Bản Nà Bó	Xã Nà Bó	Tỉnh Sơn La
2	Lò Thị Quỳnh	Như	09/08/2010	Nữ	Xinh mun	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học- KHTN-Ngữ văn		23,45	20,45	Bản Kết Hay	Xã Phiêng Păn	Tỉnh Sơn La
3	Hà Thị Hoài	Như	22/09/2010	Nữ	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học- KHTN-Ngữ văn		23,35	20,45	Bản Cơi Quỳnh	Xã Chiềng Mai	Tỉnh Sơn La
4	Lò Văn	Bảo	12/06/2010	Nam	Xinh mun	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học- KHTN-Ngữ văn		23,35	20,45	Bản Pá Nó	Xã Phiêng Păn	Tỉnh Sơn La
5	Lò Văn	Bương	15/12/2010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học- KHTN-Ngữ văn		23,35	20,45	Bản Nà Mùn	Xã Chiềng Khay	Tỉnh Sơn La
6	Lò Thị Ngọc	Lan	17/07/2010	Nữ	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học- KHTN-Ngữ văn		23,25	20,45	Bản Cơi Quỳnh	Xã Chiềng Mai	Tỉnh Sơn La
7	Lường Thanh	Mai	03/9/2010	Nữ	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học- KHTN-Ngữ văn		22,95	20,45	Bản Co Trạng	Xã Bon Phặng	Tỉnh Sơn La
8	Hà Tuấn	Tú	05/05/2010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học- KHTN-Ngữ văn		22,55	20,45	Bản Nà Sang	Xã Chiềng Mung	Tỉnh Sơn La

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	VH	Mã ngành (*)	Nghề	Môn xét tuyển	ĐXT 1	ĐXT 2	Mức điểm trúng tuyển	Địa chỉ		
													Bản	Xã/Phường (cũ)	Tỉnh
9	Hà Duy	Hung	23/10/2010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học- KHTN-Ngữ văn		22,25	20,45	Bản Thống Nhất	Xã Chiềng Mung	Tỉnh Sơn La
10	Cà Tuấn	Anh	09/02/2010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học- KHTN-Ngữ văn		22,05	20,45	Bản Muông	Xã Chiềng Ngần	Tỉnh Sơn La
11	Lù Thị	Mai	07/9/2010	Nữ	Mông	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học- KHTN-Ngữ văn		22,05	20,45	Bản Pá Po	Xã Phiêng Păn	Tỉnh Sơn La
12	Cà Văn	Diệp	03/09/2010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học- KHTN-Ngữ văn		21,95	20,45	Bản Muông	Xã Chiềng Ngần	Tỉnh Sơn La
13	Lò Thị	Hòa	10/12/2010	Nữ	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học- KHTN-Ngữ văn		21,85	20,45	Bản Khoáng Biên	Xã Chiềng Dong	Tỉnh Sơn La
14	Lường Văn	Quyền	03/03/2010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học- KHTN-Ngữ văn		21,75	20,45	Bản Lét Trạng	Xã Chiềng Bôm	Tỉnh Sơn La
15	Lò Anh	Vũ	04/07/2010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học- KHTN-Ngữ văn		21,65	20,45	Bản Thăm Mạy	Phường Chiềng Sinh	Tỉnh Sơn La
16	Vì Thế	Anh	22/10/2010	Nam	Xinh mun	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học- KHTN-Ngữ văn		21,65	20,45	Bản Kết Hay	Xã Phiêng Păn	Tỉnh Sơn La
17	Cà Văn	Ninh	08/07/2010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học- KHTN-Ngữ văn		21,45	20,45	Bản Muông	Xã Chiềng Ngần	Tỉnh Sơn La
18	Giàng A	Thắng	17/01/2010	Nam	Mông	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học- KHTN-Ngữ văn		21,35	20,45	TK Pá Khen	Thị trấn Nông Trường	Tỉnh Sơn La
19	Vì Văn	Thoan	15/10/20010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học- KHTN-Ngữ văn		21,25	20,45	Bản Nà Hạ	Xã Nà Ót	Tỉnh Sơn La
20	Quàng Linh	Tâm	20/11/2010	Nữ	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học- KHTN-Ngữ văn		21,15	20,45	Bản Nẹ Nura	Xã Hua La	Tỉnh Sơn La
21	Quàng Thị	Quỳnh	24/10/2010	Nữ	Kháng	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học- KHTN-Ngữ văn		21,05	20,45	Bản Nông Cốc	Xã Long Hẹ	Tỉnh Sơn La
22	Lò Trung	Tuyến	23/08/2010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học- KHTN-Ngữ văn		21,05	20,45	Bản Liềng	Xã Chiềng Dong	Tỉnh Sơn La
23	Mùa A Tú	Dơ	8/10/2010	Nam	Mông	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học- KHTN-Ngữ văn		20,95	20,45	Bản Co Sáy	Xã Chiềng Hặc	Tỉnh Sơn La
24	Sông A	Nam	9/02/2009	Nam	Mông	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học- KHTN-Ngữ văn		20,85	20,45	Bản Săn Cái	Xã Lóng Luông	Tỉnh Sơn La
25	Tòng Đức	Thắng	27/09/2010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học- KHTN-Ngữ văn		20,75	20,45	Bản Phát	Xã Chiềng Mung	Tỉnh Sơn La
26	Hoàng Xuân	Dần	17/02/2010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học- KHTN-Ngữ văn		20,65	20,45	Bản Nà Ót	Xã Nà Ót	Tỉnh Sơn La
27	Sông Thị	Anh	11/07/2010	Nữ	Mông	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học- KHTN-Ngữ văn		20,55	20,45	Bản Pá Po	Xã Phiêng Păn	Tỉnh Sơn La
28	Lò Huy	Hoàng	25/10/2010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học- KHTN-Ngữ văn		20,55	20,45	Bản Buồng Khoang	Xã Bản Lầm	Tỉnh Sơn La
29	Tòng Thị Bảo	Trâm	01/03/2010	Nữ	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học- KHTN-Ngữ văn		20,45	20,45	Phang Hụm Cỏ	Xã Mường Bằng	Tỉnh Sơn La
30	Cà Minh	Vũ	04/08/2010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học- KHTN-Ngữ văn		20,45	20,45	Bản Pát	Xã Chiềng Ngần	Tỉnh Sơn La
31	Tòng Việt	Cường	25/10/2010	Nam	Thái	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học- KHTN-Ngữ văn		20,45	20,45	Bản Khoáng Biên	Xã Chiềng Dong	Tỉnh Sơn La
32	Lù Thị	Phương	06/02/2009	Nữ	Mông	9/12	5620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Toán học - Hóa học- Sinh học	23,35		19,85	Bản Lụng Cuông	Xã Nà Ót	Tỉnh Sơn La

[illegible]

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	VH	Mã ngành (*)	Nghề	Môn xét tuyển	ĐXT 1	ĐXT 2	Mức điểm trúng tuyển	Địa chỉ		
												Bản	Xã/Phường (cũ)	Tỉnh
1	Thào Thị Bàu	04/05/2009	Nữ	Mông	9/12	5210103	Hội họa	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	23,35		20,50	Bản Hua Lành	Xã Bản Lầm	Tỉnh Sơn La
2	Tòng Thị Trà My	02/12/2010	Nữ	Thái	9/12	5210103	Hội họa	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	21,75		20,50	Bản Nà Hạ 1	Xã Chiềng Mung	Tỉnh Sơn La
3	Giàng Thanh May	24/03/2010	Nam	Mông	9/12	5210103	Hội họa	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	20,75		20,50	Bản Hua Pư	Xã Chiềng Noi	Tỉnh Sơn La
4	Hà Mạnh Lâm	13/07/2010	Nam	Thái	9/12	5210103	Hội họa	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	20,65		20,50	Bản Lo	Xã Chiềng Mung	Tỉnh Sơn La
5	Nguyễn Duy Anh	21/04/2009	Nam	Kinh	9/12	5210103	Hội họa	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	20,50		20,50	Tổ 8	Phường Tô Hiệu	Tỉnh Sơn La
V	Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc (DGDT)													
1	Giàng Thị Na	28/10/2010	Nữ	Mông	9/12	5210207	Nghệ thuật biểu diễn múa DGDT	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	25,05		15,75	Bản Pá Lầu	Xã Bản Lầm	Tỉnh Sơn La
2	Lò Đức Nguyễn	03/02/2010	Nam	Thái	9/12	5210207	Nghệ thuật biểu diễn múa DGDT	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	24,95		15,75	Bản Cáp	Xã Mường Bằng	Tỉnh Sơn La
3	Lèo Thị Kim Vĩnh	16/12/2010	Nữ	Thái	9/12	5210207	Nghệ thuật biểu diễn múa DGDT	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	24,75		15,75	Bản Co Phung	Xã Hua La	Tỉnh Sơn La
4	Quàng Thị Bạch Kiều	27/10/2010	Nữ	Thái	9/12	5210207	Nghệ thuật biểu diễn múa DGDT	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	24,65		15,75	Bản Mười	Xã Bó Mười	Tỉnh Sơn La
5	Sộng Thị Nu	28/09/2010	Nữ	Mông	9/12	5210207	Nghệ thuật biểu diễn múa DGDT	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	24,45		15,75	Bản Huổi Mười	Xã Mường Cai	Tỉnh Sơn La
6	Hoàng Anh Thư	06/03/2010	Nữ	Thái	9/12	5210207	Nghệ thuật biểu diễn múa DGDT	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	24,25		15,75	Bản Đông Khùa	Xã Tú Nang	Tỉnh Sơn La
7	Cà Thị Kiều Như	29/06/2010	Nữ	Thái	9/12	5210207	Nghệ thuật biểu diễn múa DGDT	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	24,15		15,75	Bản Phường	Xã Chiềng Ngần	Tỉnh Sơn La
8	Lò Tấn Lộc	11/02/2013	Nam	Thái	6/12	5210207	Nghệ thuật biểu diễn múa DGDT	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	24,05		15,75	Bản Cá	Phường Chiềng An	Tỉnh Sơn La
9	Sộng Thị Ia	22/02/2010	Nữ	Mông	9/12	5210207	Nghệ thuật biểu diễn múa DGDT	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	23,75		15,75	Bản Huổi Mười	Xã Mường Cai	Tỉnh Sơn La
10	Cầm Thị Khánh Băng	06/06/2010	Nữ	Thái	9/12	5210207	Nghệ thuật biểu diễn múa DGDT	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	23,75		15,75	Bản Mờn 1	Xã Chiềng Lương	Tỉnh Sơn La
11	Hồ Thị Phương	02/03/2010	Nữ	Mông	9/12	5210207	Nghệ thuật biểu diễn múa DGDT	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	23,55		15,75	Bản Tổng Cầu	Xã Mường Thái	Tỉnh Sơn La
12	Cà Thị Linh Nhi	06/02/2010	Nữ	Thái	9/12	5210207	Nghệ thuật biểu diễn múa DGDT	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	23,45		15,75	Bản Phường	Xã Chiềng Ngần	Tỉnh Sơn La
13	Vì Văn Sáng	08/02/2010	Nam	Xinh Mun	9/12	5210207	Nghệ thuật biểu diễn múa DGDT	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	23,15		15,75	Bản Ta Lúc	Xã Phiêng Păn	Tỉnh Sơn La
14	Giàng Thị Tòng	04/01/2010	Nữ	Mông	9/12	5210207	Nghệ thuật biểu diễn múa DGDT	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	23,05		15,75	Bản Xia Kia	Xã Mường Cai	Tỉnh Sơn La
15	Lừ Thị Yến Như	05/09/2010	Nữ	Thái	9/12	5210207	Nghệ thuật biểu diễn múa DGDT	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	22,75		15,75	Tổ Dân phố Nà Bó 1	Xã Mường Sang	Tỉnh Sơn La
16	Quàng Thị Nguyên	07/10/2010	Nữ	Thái	9/12	5210207	Nghệ thuật biểu diễn múa DGDT	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	22,75		15,75	Tổ 9	Phường Chiềng Sinh	Tỉnh Sơn La
17	Vừ Thị Păng	29/01/2010	Nữ	Mông	9/12	5210207	Nghệ thuật biểu diễn múa DGDT	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	22,65		15,75	Bản Huổi Lấp	Xã Chiềng Noi	Tỉnh Sơn La
18	Vừ Thị Sơ	26/05/2010	Nữ	Mông	9/12	5210207	Nghệ thuật biểu diễn múa DGDT	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	22,55		15,75	Bản Huổi Lấp	Xã Chiềng Noi	Tỉnh Sơn La

[illegible]

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	VH	Mã ngành (*)	Nghề	Môn xét tuyển	ĐXT 1	ĐXT 2	Mức điểm trúng tuyển	Địa chỉ		
													Bản	Xã/Phường (cũ)	Tỉnh
1	Hạng A Ký	Hải	04/05/2013	Nam	Mông	6/12	5210224	Organ	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	24,85		19,65	Bản Păng Khúa	Xã Làng Chếu	Tỉnh Sơn La
2	Giàng Thị	Chu	17/08/2009	Nữ	Mông	9/12	5210224	Organ	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	24,65		19,65	Bản Nong Mòn	Xã Cò Nòi	Tỉnh Sơn La
3	Lê Minh	Quân	27/01/2013	Nam	Kinh	6/12	5210224	Organ	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	24,45		19,65	Tổ 1	Phường Chiềng Sinh	Tỉnh Sơn La
4	Lèo Thị Hoàng	Linh	25/02/2010	Nữ	Thái	9/12	5210224	Organ	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	24,05		19,65	Bản Co Phung	Xã Hua La	Tỉnh Sơn La
5	Sùng A	Thanh	20/09/2010	Nam	Mông	9/12	5210224	Organ	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	23,85		19,65	Bản Pá Nó	Xã Mường Bám	Tỉnh Sơn La
6	Trương Trúc	Vy	29/06/2013	Nữ	Kinh	6/12	5210224	Organ	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	22,95		19,65	Tiểu khu 2	Xã Thuận Châu	Tỉnh Sơn La
7	Giàng Thị	Hạnh	09/01/2010	Nữ	Mông	9/12	5210224	Organ	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	22,25		19,65	Bản Co Phường	Xã Mường Cai	Tỉnh Sơn La
8	Mùa A	Tuấn	11/02/2010	Nam	Mông	9/12	5210224	Organ	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	22,25		19,65	Bản Pu Nhi	Xã Phiêng Ban	Tỉnh Sơn La
9	Mùa Thị Bông	Hoa	26/09/2009	Nữ	Mông	9/12	5210224	Organ	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	22,15		19,65	Bản Co Sáy	Xã Chiềng Hặc	Tỉnh Sơn La
10	Giàng Nụ	Tình	16/12/2009	Nam	Mông	9/12	5210224	Organ	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	21,25		19,65	Bản Co Đưa	Xã Mường Sai	Tỉnh Sơn La
11	Vàng A	Vàng	22/02/2013	Nam	Mông	6/12	5210224	Organ	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	21,15		19,65	Thôn Pang Cáng	Xã Suối Giàng	Tỉnh Yên Bái
12	Trần Hải	Nam	10/07/2010	Nam	Kinh	9/12	5210224	Organ	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	21,05		19,65	Bản Phát	Xã Chiềng Mung	Tỉnh Sơn La
13	Vàng A	Cở	16/10/2010	Nam	Mông	9/12	5210224	Organ	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	20,95		19,65	Thôn Pang Cáng	Xã Suối Giàng	Tỉnh Yên Bái
14	Giàng A	Thuận	08/04/2010	Nam	Mông	9/12	5210224	Organ	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	19,95		19,65	Bản Hồng Ngải	Xã Hồng Ngải	Tỉnh Sơn La
15	Thào Thị	Say	23/12/2010	Nữ	Mông	9/12	5210224	Organ	Toán học-Ngữ văn-Năng khiếu	19,65		19,65	Bản Suối Tọ	Xã Suối Tọ	Tỉnh Sơn La
VIII	Quản lý văn hóa														
1	Nguyễn Thị Minh	Thư	16/10/2010	Nữ	Tày	9/12	5340436	Quản lý văn hóa	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		26,05	23,35	Tổ 5	Phường Quyết Tâm	Tỉnh Sơn La
2	Pùa Thị	Châm	20/06/2010	Nữ	Mông	9/12	5340436	Quản lý văn hóa	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		25,95	23,35	Bản Căng Ty	Xã Chiềng Khừa	Tỉnh Sơn La
3	Quàng Thị Lệ	Quyên	29/06/2010	Nữ	Thái	9/12	5340436	Quản lý văn hóa	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		25,35	23,35	Bản Nẹ Tở	Xã Hua La	Tỉnh Sơn La
4	Tráng Thị	Căng	01/08/2010	Nữ	Mông	9/12	5340436	Quản lý văn hóa	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		24,75	23,35	Bản Căng Ty	Xã Chiềng Khừa	Tỉnh Sơn La
5	Tòng Thị	Uyên	04/12/2010	Nữ	Thái	9/12	5340436	Quản lý văn hóa	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		24,65	23,35	Bản Hịa	Xã Hua La	Tỉnh Sơn La
6	Cà Mạnh	Kỳ	11/11/2010	Nam	Thái	9/12	5340436	Quản lý văn hóa	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		24,35	23,35	Bản Ca Láp	Xã Chiềng Ngần	Tỉnh Sơn La
7	Tráng Thị	Dung	01/11/2010	Nữ	Mông	9/12	5340436	Quản lý văn hóa	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		23,85	23,35	Bản Pa Nó	Xã Mường Khoa	Tỉnh Sơn La
8	Cà Thị Tuyết	Lệ	12/08/2010	Nữ	Thái	9/12	5340436	Quản lý văn hóa	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		23,85	23,35	Bản Ca Láp	Xã Chiềng Ngần	Tỉnh Sơn La

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	VH	Mã ngành (*)	Nghề	Môn xét tuyển	ĐXT 1	ĐXT 2	Mức điểm trúng tuyển	Địa chỉ		
													Bản	Xã/Phường (cũ)	Tỉnh
9	Giàng Thị	Sa	15/10/2010	Nữ	Mông	9/12	5340436	Quản lý văn hóa	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		23,75	23,35	Bản Suối Thón	Xã Hua Nhân	Tỉnh Sơn La
10	Lèo Thị Minh	Phương	08/02/2010	Nữ	Thái	9/12	5340436	Quản lý văn hóa	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		23,75	23,35	Bản Dăm Hoa	Xã Chiềng Mai	Tỉnh Sơn La
11	Tòng Thị Khánh	Băng	17/01/2010	Nữ	Thái	9/12	5340436	Quản lý văn hóa	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		23,65	23,35	Bản Kềm	Xã Chiềng Ngần	Tỉnh Sơn La
12	Cà Thị Ngọc	Ánh	04/01/2010	Nữ	Thái	9/12	5340436	Quản lý văn hóa	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		23,65	23,35	Bản Sắng	Xã Mường Bằng	Tỉnh Sơn La
13	Hà Thị Ánh	Thoa	05/10/2010	Nữ	Thái	9/12	5340436	Quản lý văn hóa	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		23,65	23,35	Bản Bôm Cưa	Xã Chiềng Mung	Tỉnh Sơn La
14	Lò Thị Hoàng	Anh	10/06/2010	Nữ	Thái	9/12	5340436	Quản lý văn hóa	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		23,55	23,35	Tiểu khu 19/5	Xã Cò Nòi	Tỉnh Sơn La
15	Quảng Việt	Tuấn	16/10/2010	Nam	Thái	9/12	5340436	Quản lý văn hóa	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		23,45	23,35	Bản Nẹ Tở	Xã Hua La	Tỉnh Sơn La
16	Hoàng Thị Kim	Thiên	20/06/2010	Nữ	Thái	9/12	5340436	Quản lý văn hóa	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		23,45	23,35	Bản Đức Hân	Xã Chiềng Mung	Tỉnh Sơn La
17	Tòng Thị Mai	Biên	20/08/2010	Nữ	Thái	9/12	5340436	Quản lý văn hóa	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		23,35	23,35	Bản Phát	Xã Chiềng Mung	Tỉnh Sơn La
18	Cà Hà Quỳnh	Chi	17/11/2010	Nữ	Thái	9/12	5340436	Quản lý văn hóa	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		23,35	23,35	Bản Nà Hạ 1	Xã Chiềng Mung	Tỉnh Sơn La
19	Sùng Thị	Xia	27/04/2009	Nữ	Mông	9/12	5340436	Quản lý văn hóa	Ngữ văn-Lịch sử - Địa lý	21,15		21,15	Bản Pặc Ngần	Xã Chiềng Dong	Tỉnh Sơn La
IX	Dịch vụ pháp lý														
1	Quảng Thị Linh	Chi	10/02/2010	Nữ	Thái	9/12	5380201	Dịch vụ pháp lý	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		26,15	21,65	Bản Muôn	Xã Chiềng Ngần	Tỉnh Sơn La
2	Tòng Thị Ngọc	Diệp	20/10/2010	Nữ	Thái	9/12	5380201	Dịch vụ pháp lý	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		24,85	21,65	Bản Nà Sang	Xã Chiềng Mung	Tỉnh Sơn La
3	Cà Thị Khánh	Ly	02/01/2010	Nữ	Thái	9/12	5380201	Dịch vụ pháp lý	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		24,55	21,65	Bản Ổ	Xã Chiềng Ngần	Tỉnh Sơn La
4	CÁ Thị Ngọc	Khuyên	26/12/2010	Nữ	Thái	9/12	5380201	Dịch vụ pháp lý	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		23,85	21,65	Bản Lương Mạt	Xã Mường Bằng	Tỉnh Sơn La
5	Lò Thị Ngọc	Vi	05/09/2010	Nữ	Thái	9/12	5380201	Dịch vụ pháp lý	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		23,65	21,65	Bản Lương Mạt	Xã Mường Bằng	Tỉnh Sơn La
6	Quảng Thị Thảo	Vy	07/05/2010	Nữ	Thái	9/12	5380201	Dịch vụ pháp lý	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		23,45	21,65	Bản Lương Mạt	Xã Mường Bằng	Tỉnh Sơn La
7	Lò Thị Diệp	Oanh	21/11/2010	Nữ	Thái	9/12	5380201	Dịch vụ pháp lý	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		23,35	21,65	Bản Púng	Xã Chiềng Ngần	Tỉnh Sơn La
8	Lù Khánh	Ninh	23/01/2010	Nam	Thái	9/12	5380201	Dịch vụ pháp lý	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		23,15	21,65	Bản Púng	Xã Chiềng Ngần	Tỉnh Sơn La
9	Cà Thị Thảo	Uyên	17/06/2010	Nữ	Thái	9/12	5380201	Dịch vụ pháp lý	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		23,15	21,65	Bản Púng	Xã Chiềng Ngần	Tỉnh Sơn La
10	Tòng Thị Quỳnh	Chi	15/05/2010	Nữ	Thái	9/12	5380201	Dịch vụ pháp lý	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		23,05	21,65	Bản Lương Mạt	Xã Mường Bằng	Tỉnh Sơn La
11	Hà Trung	Thanh	19/11/2010	Nam	Thái	9/12	5380201	Dịch vụ pháp lý	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		22,95	21,65	Bản Mai Khoang	Xã Chiềng Ban	Tỉnh Sơn La
12	Quảng Thị	Nhi	27/03/2010	Nữ	Thái	9/12	5380201	Dịch vụ pháp lý	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		22,85	21,65	Bản Mé Mòi	Xã Mường Bằng	Tỉnh Sơn La

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	VH	Mã ngành (*)	Nghề	Môn xét tuyển	ĐXT 1	ĐXT 2	Mức điểm trúng tuyển	Địa chỉ		
													Bản	Xã/Phường (cũ)	Tỉnh
13	Lèo Bảo	Trọng	01/5/2010	Nam	Thái	9/12	5380201	Dịch vụ pháp lý	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		22,45	21,65	Bản Nà Tâu	Xã Ngọc Chiến	Tỉnh Sơn La
14	Lò Chấn	Huy	24/02/2010	Nam	Thái	9/12	5380201	Dịch vụ pháp lý	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		21,95	21,65	Bản Nà Sàng	Vã Chiềng Mung	Tỉnh Sơn La
15	Lò Quang	Huy	03/04/2010	Nam	Thái	9/12	5380201	Dịch vụ pháp lý	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		21,95	21,65	Bản Mé Mòi	Xã Mường Bằng	Tỉnh Sơn La
16	Lường Thị Hà	Xiêm	03/10/2010	Nữ	Thái	9/12	5380201	Dịch vụ pháp lý	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		21,75	21,65	Bản Ổ	Xã Chiềng Ngần	Tỉnh Sơn La
17	Lò Thị Hằng	My	15/06/2010	Nữ	Thái	9/12	5380201	Dịch vụ pháp lý	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		21,75	21,65	Bản Híp	Xã Chiềng Ngần	Tỉnh Sơn La
18	Hoàng Minh	Đăng	25/05/2010	Nam	Thái	9/12	5380201	Dịch vụ pháp lý	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		21,65	21,65	Bản Mai Khoang	Xã Chiềng Ban	Tỉnh Sơn La
19	Cầm Anh	Đắc	23/08/2009	Nam	Thái	9/12	5380201	Dịch vụ pháp lý	Ngữ văn-Lịch sử-Địa lý	18,75		18,75	Bản Mồn 2	Xã Chiềng Lương	Tỉnh Sơn La
X	Văn thư hành chính														
1	Quàng Thị Kim	Thủy	18/7/2010	Nữ	Thái	9/12	5320301	Văn thư Hành chính	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		25,05	22,35	Bản Kham	Xã Hua La	Tỉnh Sơn La
2	Lò Thị Hồng	Hạnh	09/07/2010	Nữ	Thái	9/12	5320301	Văn thư Hành chính	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		24,95	22,35	Bản Bó Ân	Phường Chiềng Cơi	Tỉnh Sơn La
3	Lường Thị	Khuyên	17/07/2010	Nữ	Thái	9/12	5320301	Văn thư Hành chính	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		24,85	22,35	Bản Hóm	Xã Chiềng Bôm	Tỉnh Sơn La
4	Quàng Thị	Nghiệp	21/09/2010	Nữ	Thái	9/12	5320301	Văn thư Hành chính	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		24,35	22,35	Bản Hóm	Xã Chiềng Bôm	Tỉnh Sơn La
5	Lò Thị	Chi	11/10/2010	Nữ	Thái	9/12	5320301	Văn thư Hành chính	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		24,25	22,35	Bản Nà Ốt	Xã Nà Ốt	Tỉnh Sơn La
6	Hà Thị Thùy	Linh	26/03/2010	Nữ	Thái	9/12	5320301	Văn thư Hành chính	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		24,15	22,35	Bản Mé Mòi	Xã Mường Bằng	Tỉnh Sơn La
7	Lường Thị Hải	Yến	05/03/2010	Nữ	Thái	9/12	5320301	Văn thư Hành chính	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		24,05	22,35	Bản Ổ	Xã Chiềng Ngần	Tỉnh Sơn La
8	Lường Ánh	Ty	18/11/2010	Nam	Thái	9/12	5320301	Văn thư Hành chính	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		23,75	22,35	Bản Lương Mạt	Xã Mường Bằng	Tỉnh Sơn La
9	Lò Đức	Thịnh	13/05/2010	Nam	Thái	9/12	5320301	Văn thư Hành chính	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		23,75	22,35	Bản Nẹ Tờ	Xã Hua La	Tỉnh Sơn La
10	Hà Thị Ngọc	Linh	05/07/2010	Nữ	Thái	9/12	5320301	Văn thư Hành chính	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		23,55	22,35	Bản Nam	Xã Chiềng Chung	Tỉnh Sơn La
11	Quàng Thanh	Hường	06/02/2010	Nữ	Thái	9/12	5320301	Văn thư Hành chính	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		23,35	22,35	Bản Pát	Xã Chiềng Ngần	Tỉnh Sơn La
12	Lò Thị	Phương	01/7/2010	Nữ	Thái	9/12	5320301	Văn thư Hành chính	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		23,35	22,35	Bản Nà Ốt	Xã Nà Ốt	Tỉnh Sơn La
13	Lò Văn	Thỏa	31/01/2010	Nam	Thái	9/12	5320301	Văn thư Hành chính	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		23,25	22,35	Bản Hóm	Xã Chiềng Bôm	Tỉnh Sơn La
14	Đèo Thị	Biên	24/09/2010	Nữ	Thái	9/12	5320301	Văn thư Hành chính	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		23,15	22,35	Bản Khoang	Xã Chiềng Ngần	Tỉnh Sơn La
15	Tòng Thu	Huyền	21/12/2010	Nữ	Thái	9/12	5320301	Văn thư Hành chính	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		23,05	22,35	Bản Pon Chấm	Xã Mường Chanh	Tỉnh Sơn La
16	Tòng Thị Quế	Lâm	28/10/2010	Nữ	Thái	9/12	5320301	Văn thư Hành chính	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		22,55	22,35	Bản Pát	Xã Chiềng Ngần	Tỉnh Sơn La

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	VH	Mã ngành (*)	Nghề	Môn xét tuyển	ĐXT 1	ĐXT 2	Mức điểm trúng tuyển	Địa chỉ		
													Bản	Xã/Phường (cũ)	Tỉnh
17	Hoàng Thanh	Lâm	27/5/2010	Nam	Thái	9/12	5320301	Văn thư Hành chính	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		22,55	22,35	Bản Thống Nhất	Xã Chiềng Mung	Tỉnh Sơn La
18	Lèo Trung	Toàn	14/11/2009	Nam	Thái	9/12	5320301	Văn thư Hành chính	Ngữ văn-Lịch sử - Địa lý	22,85		22,85	Bản Thợ Pát	Xã Chiềng Ban	Tỉnh Sơn La
XI	Quản trị khách sạn														
1	Tòng Oanh	Thư	12/05/2010	Nữ	Thái	9/12	5810201	Quản trị khách sạn	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		28,05	23,05	Bản Lun	Xã Hua La	Tỉnh Sơn La
2	Cà Thị Hồng	Diệp	16/01/2010	Nữ	Thái	9/12	5810201	Quản trị khách sạn	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		25,25	23,05	Bản Lương Mạt	Xã Mường Bằng	Tỉnh Sơn La
3	Tòng Thị Cẩm	Lệ	03/08/2010	Nữ	Thái	9/12	5810201	Quản trị khách sạn	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		24,85	23,05	Bản Nà Lo	Xã Chiềng Ngần	Tỉnh Sơn La
4	Quảng Mạnh	Đạt	04/03/2010	Nam	Thái	9/12	5810201	Quản trị khách sạn	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		24,75	23,05	Bản Páng	Xã Chiềng Đen	Tỉnh Sơn La
5	Cà Đức	Nguyên	15/01/2010	Nam	Thái	9/12	5810201	Quản trị khách sạn	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		24,65	23,05	Bản Nà Lo	Xã Chiềng Ngần	Tỉnh Sơn La
6	Cà Duy	Lam	22/6/2010	Nam	Thái	9/12	5810201	Quản trị khách sạn	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		24,25	23,05	Bản Mé Mòi	Xã Mường Bằng	Tỉnh Sơn La
7	Tòng Thị Thanh	Thúy	26/06/2010	Nữ	Thái	9/12	5810201	Quản trị khách sạn	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		24,25	23,05	Bản Dừn	Xã Chiềng Ngần	Tỉnh Sơn La
8	Lò Hải	Nhi	04/02/2010	Nữ	Thái	9/12	5810201	Quản trị khách sạn	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		24,15	23,05	Bản Nà Sang	Xã Chiềng Mung	Tỉnh Sơn La
9	Cà Thị	Thư	17/12/2010	Nữ	Thái	9/12	5810201	Quản trị khách sạn	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		24,15	23,05	Bản Cáp	Xã Mường Bằng	Tỉnh Sơn La
10	Cà Thị Phương	Linh	12/01/2010	Nữ	Thái	9/12	5810201	Quản trị khách sạn	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		24,05	23,05	Bản Ca Láp	Xã Chiềng Ngần	Tỉnh Sơn La
11	Cà Thị Bích	Hằng	28/4/2010	Nữ	Thái	9/12	5810201	Quản trị khách sạn	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		23,85	23,05	Bản Phường	Xã Chiềng Ngần	Tỉnh Sơn La
12	Tòng Thị	Diệp	19/11/2010	Nữ	Thái	9/12	5810201	Quản trị khách sạn	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		23,85	23,05	Bản Hời	Xã Chiềng Mung	Tỉnh Sơn La
13	Lò Văn	Quân	23/8/2010	Nam	Thái	9/12	5810201	Quản trị khách sạn	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		23,85	23,05	Bản Hời	Xã Chiềng Mung	Tỉnh Sơn La
14	Lò Đăng	Khiêm	06/03/2010	Nam	Thái	9/12	5810201	Quản trị khách sạn	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		23,45	23,05	Bản Mé Mòi	Xã Mường Bằng	Tỉnh Sơn La
15	Lường Thị Hà	Quyên	14/10/2010	Nữ	Thái	9/12	5810201	Quản trị khách sạn	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		23,45	23,05	Bản Mòn	Xã Cò Nòi	Tỉnh Sơn La
16	Tòng Thu	Hằng	01/10/2010	Nữ	Thái	9/12	5810201	Quản trị khách sạn	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		23,35	23,05	Bản Hời	Xã Chiềng Mung	Tỉnh Sơn La
17	Cà Quỳnh	Như	25/03/2010	Nữ	Thái	9/12	5810201	Quản trị khách sạn	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		23,05	23,05	Bản Muông	Xã Chiềng Ngần	Tỉnh Sơn La
18	Lò Văn	Tuấn	11/03/2010	Nam	Thái	9/12	5810201	Quản trị khách sạn	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		23,05	23,05	Bản Mé Mòi	Xã Mường Bằng	Tỉnh Sơn La
19	Lò Mạnh	Quỳnh	01/4/2009	Nam	Thái	9/12	5810201	Quản trị khách sạn	Ngữ văn-Lịch sử- Địa lý	22,05		20,05	Bản Lầu	Xã Chiềng Mung	Tỉnh Sơn La
XII	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống														
1	Trần My	Như	01/03/2014	Nữ	Kinh	5/12	5210216	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống	Toán học- Ngữ văn- Năng khiếu		26,75	18,55	Tổ dân phố 15	Phường Vân Hồ	Tỉnh Sơn La

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	VH	Mã ngành (*)	Nghề	Môn xét tuyển	ĐXT 1	ĐXT 2	Mức điểm trúng tuyển	Địa chỉ		
													Bản	Xã/Phường (cũ)	Tỉnh
2	Lò Việt	Anh	21/11/2011	Nam	Thái	8/12	5210216	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống	Toán học- Ngữ văn- Năng khiếu		22,15	18,55	Bản Lướt	Xã Chiềng Khoong	Tỉnh Sơn La
3	Mùa Suối	Giàng	13/11/2013	Nam	Mường	6/12	5210216	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống	Toán học- Ngữ văn- Năng khiếu		21,95	18,55	Bản Trung Trình	Xã Tà Xùa	Tỉnh Sơn La
4	Hoàng Nguyên	Bảo	21/11/2011	Nam	Tày	8/12	5210216	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống	Toán học- Ngữ văn- Năng khiếu		19,05	18,55	Tổ 9	Phường Tô Hiệu	Tỉnh Sơn La
5	Đình Hoàng	Duy	03/05/2010	Nam	Mường	9/12	5210216	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống	Toán học- Ngữ văn- Năng khiếu		18,55	18,55	Bản Tà Đò	Xã Tạ Khoa	Tỉnh Sơn La
XIII	Pháp Luật														
1	Lò Thị Huyền	Trang	03/9/2010	Nữ	Thái	9/12	5380101	Pháp luật	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		26,65	20,45	Bản Cang	Xã Chiềng Khừa	Tỉnh Sơn La
2	Lò Thị Kim	Huyền	21/7/2010	Nữ	Thái	9/12	5380101	Pháp luật	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		25,85	20,45	Bản Buồn	Phường Chiềng Cơi	Tỉnh Sơn La
3	Lèo Thị Hằng	Nga	16/7/2010	Nữ	Thái	9/12	5380101	Pháp luật	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		25,75	20,45	Bản Co Phung	Xã Hua La	Tỉnh Sơn La
4	Cà Thị Thảo	Nguyên	29/10/2010	Nữ	Thái	9/12	5380101	Pháp luật	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		24,75	20,45	Bản Nà Trai	Xã Mường Bằng	Tỉnh Sơn La
5	Tòng Văn Tuấn	Kiệt	09/01/2010	Nam	Thái	9/12	5380101	Pháp luật	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		24,45	20,45	Bản Nà Hoi	Xã Mường Bằng	Tỉnh Sơn La
6	Quảng Văn	Lâm	27/9/2010	Nam	Thái	9/12	5380101	Pháp luật	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		23,25	20,45	Bản Nà Tàu	Xã Ngọc Chiến	Tỉnh Sơn La
7	Lò Văn	Quyền	17/07/2010	Nam	Thái	9/12	5380101	Pháp luật	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		23,15	20,45	Bản hòm	xã Chiềng Bôm	Tỉnh Sơn La
8	Sông A	Hạng	20/03/2010	Nam	Mông	9/12	5380101	Pháp luật	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		22,55	20,45	Bản Huổi Thùng	Xã Phiêng Cằm	Tỉnh Sơn La
9	Lường Viết	Đạt	16/8/2010	Nam	Thái	9/12	5380101	Pháp luật	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		22,35	20,45	Bản Xùm Hào	Xã Mường Bằng	Tỉnh Sơn La
10	Giàng Thị	Dong	26/12/2010	Nữ	Mông	9/12	5380101	Pháp luật	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		22,35	20,45	Bản Lũng Xá	Xã Lóng Luông	Tỉnh Sơn La
11	Hoàng Mai	Trang	03/11/2010	Nữ	Thái	9/12	5380101	Pháp luật	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		22,25	20,45	Bản Nà Khoang	Xã Chiềng Dong	Tỉnh Sơn La
12	Lường Văn	Lâm	23/02/2010	Nam	Thái	9/12	5380101	Pháp luật	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		22,15	20,45	Bản hòm	xã Chiềng Bôm	Tỉnh Sơn La
13	Hà Quốc	Thiên	01/5/2010	Nam	Thái	9/12	5380101	Pháp luật	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		21,95	20,45	Bản Thống Nhất	Xã Chiềng Mung	Tỉnh Sơn La
14	Lò Lâm	Trường	31/01/2010	Nam	Thái	9/12	5380101	Pháp luật	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		21,85	20,45	Bản Nghiu Ten	Xã Chiềng Chung	Tỉnh Sơn La
15	Tòng Đức	Huy	04/11/2010	Nam	Thái	9/12	5380101	Pháp luật	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		21,75	20,45	Bản Lo	Xã Chiềng Mung	Tỉnh Sơn La
16	Đieu Chính	Quyền	23/11/2010	Nam	Thái	9/12	5380101	Pháp luật	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		21,55	20,45	Bản Tam Quỳnh	Xã Chiềng Đen	Tỉnh Sơn La
17	Hà Minh	Tú	20/01/2010	Nam	Thái	9/12	5380101	Pháp luật	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		21,55	20,45	Tổ 14	Phường Chiềng Sinh	Tỉnh Sơn La
18	Tráng Thị	Dao	10/02/2010	Nữ	Mông	9/12	5380101	Pháp luật	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		21,45	20,45	Bản Lũng Xá	Xã Lóng Luông	Tỉnh Sơn La
19	Lò Mạnh	Tú	03/06/2010	Nam	Thái	9/12	5380101	Pháp luật	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		21,45	20,45	Bản Ngòi	Xã Chiềng Chung	Tỉnh Sơn La

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	VH	Mã ngành (*)	Nghề	Môn xét tuyển	ĐXT 1	ĐXT 2	Mức điểm trúng tuyển	Địa chỉ		
													Bản	Xã/Phường (cũ)	Tỉnh
20	Quảng Văn	Trinh	03/05/2010	Nam	Thái	9/12	5380101	Pháp luật	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		21,35	20,45	Bản Sron Mê	Xã Chiềng Ve	Tỉnh Sơn La
21	Sông A	Khai	29/01/2010	Nam	Mông	9/12	5380101	Pháp luật	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		21,05	20,45	Bản Huổi Thùng	Xã Phiêng Cằm	Tỉnh Sơn La
22	Phàng A	May	18/8/2010	Nam	Mông	9/12	5380101	Pháp luật	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		21,05	20,45	Bản Hua Bó	Xã Phiêng Păn	Tỉnh Sơn La
23	Giàng A	Cu	02/01/2010	Nam	Mông	9/12	5380101	Pháp luật	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		20,95	20,45	Bản Kéo Lôm	Xã Chiềng Lương	Tỉnh Sơn La
24	Sông Thị	Mú	14/10/2010	Nữ	Mông	9/12	5380101	Pháp luật	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		20,95	20,45	Bản Pá Tong	Xã Phiêng Păn	Tỉnh Sơn La
25	Hà Thái	Bảo	26/5/2010	Nam	Thái	9/12	5380101	Pháp luật	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		20,85	20,45	Bản Lò Um	Xã Chiềng Dong	Tỉnh Sơn La
26	Vũ Mai	Huyền	28/11/2010	Nữ	Kinh	9/12	5380101	Pháp luật	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		20,85	20,45	Tổ 5	Phường Chiềng Sinh	Tỉnh Sơn La
27	Lù Thị	Phượng	12/10/2010	Nữ	Mông	9/12	5380101	Pháp luật	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		20,85	20,45	Bản Kéo Lôm	Xã Chiềng Lương	Tỉnh Sơn La
28	Lèo Gia	Huy	31/10/2010	Nam	Thái	9/12	5380101	Pháp luật	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		20,75	20,45	Tổ 9	Phường Chiềng Sinh	Tỉnh Sơn La
29	Mùa A	Đức	13/11/2010	Nam	Mông	9/12	5380101	Pháp luật	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		20,65	20,45	Bản Pa Nó	Xã Tà Hộc	Tỉnh Sơn La
30	Cầm Duy	Quang	13/12/2010	Nam	Thái	9/12	5380101	Pháp luật	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		20,65	20,45	Bản Nghiu Ten	Xã Chiềng Chung	Tỉnh Sơn La
31	Lò Khánh	Huy	11/7/2010	Nam	Thái	9/12	5380101	Pháp luật	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		20,45	20,45	Bản Lò Um	Xã Chiềng Dong	Tỉnh Sơn La
32	Lò Văn	Chinh	13/8/2009	Nam	Thái	9/12	5380101	Pháp luật	Ngữ văn - Lịch sử- Địa lý	21,45		19,55	Bản Chi	Xã Chiềng Lương	Tỉnh Sơn La
33	Hà Khánh	Luân	15/9/2009	Nam	Thái	9/12	5380101	Pháp luật	Ngữ văn - Lịch sử- Địa lý	20,45		19,55	Bản Ý Lương	Xã Mường Bằng	Tỉnh Sơn La
34	Vừ A	Chua	24/3/2009	Nam	Mông	9/12	5380101	Pháp luật	Ngữ văn-Lịch sử- Địa lý	20,05		19,55	Bản Huổi Tầu	Xã Chiềng Sơ	Tỉnh Điện Biên
35	Vừ A	Chía	02/02/2009	Nam	Mông	9/12	5380101	Pháp luật	Ngữ văn-Lịch sử- Địa lý	19,85		19,55	Bản Pha Hấp	Xã Pú Bấu	Tỉnh Sơn La
36	Tòng Đức	Long	28/10/2009	Nam	Thái	9/12	5380101	Pháp luật	Ngữ văn - Lịch sử- Địa lý	19,55		19,55	Bản Cù	Xã Chiềng Ban	Tỉnh Sơn La

(Danh sách trên có 266 thí sinh)